

KẾ HOẠCH

Thực hiện Đề án tổng thể bảo vệ môi trường làng nghề đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

Thực hiện Quyết định số 577/QĐ-TTg ngày 11/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tổng thể bảo vệ môi trường làng nghề đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 và Công văn số 2436/BTNMT-TCMT ngày 26/6/2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc triển khai thực hiện Đề án tổng thể bảo vệ môi trường làng nghề, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án tổng thể bảo vệ môi trường (BVMT) làng nghề đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, cụ thể như sau:

I. THỰC TRẠNG LÀNG NGHỀ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

Trên địa bàn tỉnh có 12 nghề truyền thống, 13 làng nghề và 12 làng nghề truyền thống; bao gồm: Đan đất, bánh pía, lạp xưởng, mè láo, mộc gia dụng, nấu rượu, hầm than,... (Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng tại Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 29/02/2008). Các làng nghề góp phần củng cố tính truyền thống văn hóa đã có từ bao đời và góp phần không nhỏ cho sự phát triển của các địa phương; trong đó, làng nghề hầm than tập trung tại xã Xuân Hòa, huyện Kế Sách đang được tiếp tục mở rộng.

Tuy nhiên, hoạt động sản xuất tại một số làng nghề làm phát sinh một số vấn đề như ô nhiễm môi trường, cơ sở vật chất yếu, thiếu quy hoạch đồng bộ; đồng thời, việc phân công, phân cấp quản lý làng nghề trên địa bàn tỉnh trong thời gian chưa cụ thể, rõ ràng. Bên cạnh đó, theo tiêu chí công nhận làng nghề được quy định tại Thông tư số 116/2006/TT-BNN ngày 18/12/2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 66/2006/NĐ-CP ngày 07/7/2006 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn, hiện nay một số làng nghề không hoạt động như: Đan đất, dệt chiếu lát, thủ công mỹ nghệ, nấu rượu, trầm lá, trầm nón,...

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

- Tăng cường mạnh mẽ công tác BVMT trong quản lý và phát triển làng nghề trên địa bàn tỉnh.
- Từng bước khắc phục, cải thiện tình trạng ô nhiễm môi trường tại các làng nghề, ngăn chặn việc phát sinh các làng nghề ô nhiễm môi trường mới.
- Bảo vệ sức khỏe và nâng cao chất lượng cuộc sống dân cư, góp phần phát triển kinh tế - xã hội khu vực nông thôn một cách bền vững.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Mục tiêu đến năm 2015

- Triển khai các công cụ chính sách, pháp luật cho công tác quản lý và BVMT làng nghề, đặc biệt là các chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho làng nghề truyền thống.

- Phân công, phân cấp cụ thể về trách nhiệm quản lý làng nghề và các cơ sở sản xuất trong làng nghề giữa các sở, ban ngành và chính quyền địa phương để triển khai, phối hợp đồng bộ, hiệu quả.

- Quản lý chặt chẽ việc công nhận làng nghề gắn với các điều kiện về BVMT; hoàn thành việc rà soát danh mục làng nghề đã được công nhận, bảo đảm 100% làng nghề được công nhận đáp ứng đầy đủ các điều kiện về BVMT; hoàn thành việc phân loại các hộ, cơ sở sản xuất trong làng nghề theo loại hình sản xuất và nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

- Phấn đấu 100% các cơ sở sản xuất thuộc nhóm tái chế chất thải và các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng hoạt động trong các làng nghề chưa được công nhận được thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm, khắc phục hậu quả hoặc lập kế hoạch di dời vào làng nghề hay chuyển đổi ngành nghề sản xuất.

- Hoàn thành việc đánh giá, rà soát sự tuân thủ các quy định về BVMT đối với các làng nghề để đề xuất việc nâng cấp, điều chỉnh và bổ sung các làng nghề.

- Không hình thành mới các cơ sở thuộc loại hình sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao hoặc có công đoạn sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao tại khu vực dân cư nông thôn.

- Xây dựng, triển khai áp dụng thử nghiệm một số mô hình làng nghề thủ công truyền thống điển hình, sản phẩm gắn với bản sắc văn hóa dân tộc và làng nghề phục vụ du lịch.

- Xử lý triệt để ô nhiễm đối với làng nghề hầm than tại xã Xuân Hòa, đồng thời nghiên cứu để từng bước chuyển đổi ngành nghề với lộ trình thích hợp.

b) Mục tiêu đến năm 2020

- Công khai và cập nhật thường xuyên danh sách, thông tin về thực trạng các làng nghề được công nhận, làng nghề chưa được công nhận và làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh.

- Quản lý chặt chẽ công tác BVMT tại các làng nghề, cơ bản kiểm soát được tình trạng ô nhiễm môi trường làng nghề; không phát sinh làng nghề ô nhiễm môi trường nghiêm trọng mới.

- Tiếp tục xử lý ô nhiễm tại các làng nghề ô nhiễm môi trường nghiêm trọng còn tồn tại và các làng nghề gây ô nhiễm môi trường phát sinh.

- Tiếp tục bổ sung, hoàn thiện các công cụ chính sách, pháp luật đặc thù cho công tác BVMT làng nghề và chính sách, pháp luật về phát triển làng nghề gắn với BVMT.

c) Định hướng đến năm 2030

- Tiếp tục phát triển làng nghề theo định hướng bảo tồn làng nghề truyền thống, bảo đảm 100% các làng nghề trên địa bàn tỉnh được công nhận, thống nhất quản lý và tuân thủ đầy đủ các điều kiện về BVMT.

- Khắc phục triệt để tình trạng ô nhiễm môi trường làng nghề trên địa bàn tỉnh.

- Hoàn thiện thể chế, chính sách về BVMT làng nghề để triển khai đồng bộ và hiệu quả.

III. CÁC NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

1. Thực thi có hiệu quả các công cụ quản lý môi trường

a) Rà soát, phân loại, bổ sung làng nghề và các cơ sở sản xuất trong làng nghề theo loại hình sản xuất, nguy cơ và mức độ gây ô nhiễm môi trường; các làng nghề được công nhận, làng nghề chưa được công nhận và làng nghề truyền thống.

b) Đẩy mạnh công tác hướng dẫn, giám sát, kiểm tra, thanh tra việc chấp hành quy định của pháp luật về BVMT đối với các cơ sở sản xuất trong làng nghề, đặc biệt tập trung vào các cơ sở thuộc loại hình sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao, hoặc các cơ sở có công đoạn sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao và cơ sở sản xuất tại các làng nghề chưa được công nhận.

c) Triển khai công tác thu phí BVMT đối với nước thải, chất thải rắn đối với toàn bộ các cơ sở sản xuất trong làng nghề theo quy định.

d) Lập kế hoạch và theo dõi, giám sát, công khai thông tin về chất lượng môi trường tại các làng nghề; theo dõi thường xuyên, liên tục đối với các làng nghề hiện đang ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

đ) Khuyến khích các làng nghề xây dựng Quy ước về BVMT.

2. Triển khai xây dựng, thực hiện quy hoạch, di dời, chuyển đổi ngành nghề sản xuất

a) Quy hoạch lại sản xuất

- Quy hoạch tập trung theo làng nghề: Quy hoạch cơ sở hạ tầng đồng bộ bao gồm hệ thống đường giao thông, hệ thống cấp điện, nước, thông tin liên lạc, hệ thống thu gom và xử lý chất thải; quy hoạch khu sản xuất phù hợp với đặc thù loại hình làng nghề.

- Quy hoạch phân tán (quy hoạch sản xuất ngay tại hộ gia đình): Tổ chức bố trí không gian nhằm cải thiện điều kiện sản xuất và vệ sinh môi trường mà không cần phải di dời, hạn chế tối đa việc coi nời, xây nhà cao tầng,... nhằm lưu giữ nét cổ truyền, văn hóa của làng nghề để kết hợp với phát triển du lịch.

- Quy hoạch phân tán kết hợp tập trung: Di dời các công đoạn gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng làng nghề.

b) Chuyển đổi ngành nghề sản xuất hoặc di dời vào làng nghề tập trung

- Lập danh mục các làng nghề cần có lộ trình chuyển đổi ngành nghề sản xuất hoặc di dời, trước mắt tập trung vào nhóm loại hình tái chế chất thải và loại hình ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch di dời hoặc chuyển đổi ngành nghề sản xuất với lộ trình phù hợp.

- Đối với các làng nghề hoặc cơ sở sản xuất trong làng nghề cần chuyển đổi ngành nghề sản xuất: Lồng ghép với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững để nghiên cứu, định hướng ngành nghề chuyển đổi; đồng thời, tổ chức các khóa đào tạo nghề phục vụ cho việc chuyển đổi ngành nghề sản xuất.

3. Triển khai các mô hình công nghệ, các biện pháp kỹ thuật nhằm định hướng cho việc xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề

a) Lựa chọn, xây dựng và áp dụng thử nghiệm các mô hình làng nghề truyền thống gắn với du lịch thực hiện tốt các quy định về BVMT (vẽ tranh trên kiếng; sản xuất bánh pía, lạp xưởng, mè láo; trồng hành tím, củ cải muối; cốm dẹp,...) để đánh giá, rút kinh nghiệm trước khi phổ biến, nhân rộng ra các địa phương có các loại hình làng nghề tương tự.

b) Cải tạo, nâng cấp và hoàn thiện cơ sở hạ tầng BVMT làng nghề như hệ thống tiêu thoát nước, các điểm thu gom, xử lý chất thải rắn (lồng ghép với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và Chương trình mục tiêu quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn).

c) Tập trung đầu tư cải tạo, nâng cấp hoặc xây mới hệ thống xử lý chất thải, khu tập kết chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại cho các làng nghề được công nhận, ưu tiên đầu tư cho các làng nghề truyền thống.

4. Tăng cường công tác truyền thông, đào tạo và nâng cao năng lực BVMT làng nghề

a) Phát triển và duy trì hoạt động của các tổ chức ngành nghề thủ công, mở rộng mạng lưới Hiệp hội làng nghề tỉnh Sóc Trăng đến các xã có làng nghề. Xây dựng mô hình Hợp tác xã, Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh... tham gia BVMT làng nghề.

b) Tổ chức thường xuyên các khóa đào tạo, tập huấn về quản lý môi trường làng nghề cho cán bộ quản lý làng nghề và các tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh trong làng nghề.

c) Tăng cường phổ biến thông tin cho cộng đồng về BVMT làng nghề, giới thiệu công nghệ thân thiện môi trường, phổ biến các sáng kiến, mô hình BVMT phù hợp với sản xuất làng nghề.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Về cơ chế, chính sách

Căn cứ văn bản quy định của Trung ương, giai đoạn từ nay đến năm 2015 tỉnh sẽ rà soát, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế chính sách về quản lý, phát triển làng nghề gắn với BVMT.

2. Về tuyên truyền, nâng cao nhận thức

a) Tăng cường giáo dục và tuyên truyền thường xuyên, rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng để nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng trong công tác BVMT; tạo cơ chế khuyến khích cộng đồng làng nghề tham gia phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý và khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường.

b) Công bố danh sách các làng nghề ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên các phương tiện thông tin đại chúng, phổ biến, tuyên truyền các mô hình làng nghề thực hiện tốt công tác BVMT.

c) Giao trách nhiệm cụ thể để phát huy vai trò, trách nhiệm của chính quyền cơ sở, các đoàn thể xã hội và mỗi người dân trong việc tham gia vào công tác BVMT làng nghề.

3. Giải pháp về tài chính

a) Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, phân bổ kinh phí sự nghiệp môi trường, sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khoa học và công nghệ và các nguồn đầu tư khác cho công tác BVMT, khắc phục, xử lý, kiểm soát ô nhiễm môi trường làng nghề.

b) Nguồn vốn thực hiện:

- Ngân sách nhà nước (bao gồm ngân sách Trung ương, địa phương, vốn ODA) theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước hiện hành.

- Vốn tín dụng ưu đãi của Nhà nước theo quy định hiện hành.

- Nguồn vốn đóng góp từ các cơ sở sản xuất trong làng nghề.

- Nguồn vốn khác từ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài.

4. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ

a) Tăng cường kiểm soát công nghệ cũ, công nghệ lạc hậu tại các làng nghề ô nhiễm môi trường hiện nay.

b) Đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao công nghệ sạch, công nghệ xử lý chất thải cho các cơ sở sản xuất quy mô nhỏ theo hướng vận hành đơn giản, ổn định, tiết kiệm chi phí và xử lý ô nhiễm môi trường đạt hiệu quả.

c) Đẩy mạnh đổi mới công nghệ sản xuất, nghiên cứu, ứng dụng nguyên liệu, thiết bị, công nghệ, mô hình, phương thức sản xuất thân thiện với môi trường.

5. Thực hiện lồng ghép Kế hoạch vào các chương trình, đề án, quy hoạch có liên quan

Thực hiện gắn kết Kế hoạch vào quá trình triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững để hỗ trợ chuyển đổi ngành nghề sản xuất và xây dựng, cải tạo hệ thống cơ sở hạ tầng BVMT làng nghề (hệ thống tiêu thoát nước, các điểm thu gom, xử lý chất thải,...).

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các sở, ban ngành tổ chức thực hiện các nội dung của Kế hoạch thực hiện Đề án tổng thể bảo vệ môi trường làng nghề đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp các ngành chức năng, các đoàn thể, UBND cấp huyện, UBND cấp xã, tổ chức, cá nhân có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Hàng năm, phối hợp sở, ngành liên quan tổ chức sơ kết, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch và báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh; đồng thời, tham mưu UBND tỉnh sơ kết việc thực hiện Kế hoạch vào năm 2015 và tổng kết vào năm 2020.

- Chủ trì, phối hợp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện điều tra, đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường làng nghề; xây dựng kế hoạch, giải pháp, lộ trình bảo vệ môi trường, xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề trên địa bàn tỉnh, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt và tổ chức thực hiện.

- Tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn về công tác BVMT cho các cán bộ quản lý môi trường làng nghề, các tổ chức đoàn thể, chính trị - xã hội và cộng đồng làng nghề.

- Chủ trì hoặc phối hợp Sở Y tế, Sở Công thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức chính trị - xã hội, các hiệp hội, đại diện cộng đồng dân cư trong việc tuyên truyền, giáo dục và nâng cao nhận thức về vệ sinh môi trường, bảo vệ môi trường làng nghề.

- Tổ chức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải của các cơ sở trong làng nghề theo quy định.

- Kiểm tra, giám sát tình hình tuân thủ các quy định của pháp luật và xử lý vi phạm về BVMT tại làng nghề.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở, ngành liên quan rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các văn bản, chính sách về quy hoạch phát triển ngành nghề nông thôn đáp ứng các quy định về BVMT làng nghề.

- Quản lý nhà nước đối với làng nghề và các đối tượng sản xuất tiểu thủ công nghiệp trong khu vực dân cư nông thôn.

- Xây dựng và triển khai thực hiện quy hoạch phát triển ngành nghề, làng nghề.

- Lập danh mục và quản lý các làng nghề truyền thống cần được bảo tồn hoặc gắn với phát triển du lịch, làng nghề được công nhận và làng nghề chưa được công nhận trên phạm vi toàn tỉnh; xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển làng nghề truyền thống, giữ gìn bản sắc dân tộc, phát triển dịch vụ du lịch.

3. Sở Công Thương

- Chịu trách nhiệm quản lý nhà nước đối với các khu, cụm công nghiệp tập trung.

- Hướng dẫn, tổ chức thực hiện công tác BVMT trong triển khai các chính sách khuyến công như: Áp dụng sản xuất sạch hơn; sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả; hỗ trợ xây dựng hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại các cụm công nghiệp, cơ sở công nghiệp nông thôn.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh việc bố trí và lồng ghép các nguồn vốn đầu tư để thực hiện kế hoạch theo quy định.

5. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp các sở, ban ngành liên quan trong việc phân bổ, theo dõi, kiểm tra việc sử dụng kinh phí chung và các nguồn tài trợ cho việc thực hiện Kế hoạch.

6. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường nghiên cứu, giới thiệu, phổ biến công nghệ sản xuất thân thiện với môi trường, công nghệ xử lý chất thải phù hợp với làng nghề.

- Quản lý nhà nước về công nghệ nhằm hạn chế việc đưa công nghệ cũ, công nghệ lạc hậu gây ô nhiễm môi trường vào địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

7. Công an tỉnh

Chủ trì, phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở, ban ngành liên quan tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật về BVMT, nâng cao nhận thức của cộng đồng dân cư trong làng nghề về công tác BVMT, thực hiện công tác điều tra cơ bản, phòng ngừa và đấu tranh các hành vi vi phạm pháp luật về BVMT tại các làng nghề.

8. Ủy ban nhân dân cấp huyện

- Lập kế hoạch di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường ra khỏi khu dân cư.

- Điều tra, thống kê, lập danh mục loại hình hoạt động của các cơ sở trong làng nghề theo nguy cơ gây ô nhiễm.

- Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện công tác BVMT của các cơ sở sản xuất; không cho phép thành lập mới các cơ sở có công đoạn sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao trong khu vực dân cư và thực hiện biện pháp xử lý đối với các cơ sở có công đoạn sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao đang hoạt động trong khu vực dân cư.

- Xây dựng, trình kế hoạch BVMT làng nghề và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt.

- Đầu tư, nâng cấp các hạng mục công trình xử lý chất thải cho làng nghề.

- Tổ chức quản lý, vận hành và duy tu, bảo dưỡng theo đúng quy định khi được bàn giao, tiếp nhận, quản lý các dự án, công trình thuộc kết cấu hạ tầng về bảo vệ môi trường.

- Huy động sự đóng góp của các tổ chức, cá nhân để đầu tư, xây dựng, vận hành, duy tu và cải tạo các công trình thuộc kết cấu hạ tầng về BVMT làng nghề trên địa bàn.

- Thành lập Tổ tự quản về bảo vệ môi trường tại các làng nghề.

- Ưu tiên phân bổ kinh phí từ ngân sách của địa phương và các nguồn tài chính khác cho hoạt động BVMT làng nghề. Ưu tiên phân bổ kinh phí sự nghiệp môi trường cho các xã, phường, thị trấn có làng nghề được công nhận để tổ chức thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch

số 45/2010/TTLT-BTC-BTNMT ngày 30/3/2010 của Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc quản lý kinh phí sự nghiệp môi trường.

- Báo cáo UBND tỉnh (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường) về hiện trạng hoạt động, tình hình phát sinh và xử lý chất thải của làng nghề trên địa bàn một (01) lần/năm trước ngày 15 tháng 11 hàng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu (Mẫu báo cáo theo quy định tại Phụ lục 07 ban hành kèm theo Thông tư số 46/2011/TT-BTNMT ngày 26/12/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bảo vệ môi trường làng nghề).

9. Ủy ban nhân dân cấp xã

- Hướng dẫn, kiểm tra, báo cáo công tác BVMT làng nghề của các cơ sở sản xuất trên địa bàn.

- Bố trí cán bộ theo dõi công tác BVMT làng nghề; ban hành quy chế hoạt động và tạo điều kiện để Tổ tự quản về BVMT hoạt động có hiệu quả.

- Công bố các thông tin về hiện trạng môi trường, công tác BVMT làng nghề trên các phương tiện thông tin của địa phương, thông qua các đoàn thể và cộng đồng dân cư, trong các cuộc họp Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Đôn đốc việc xây dựng Quy ước BVMT làng nghề.

10. Các sở, ngành, địa phương phối hợp chặt chẽ với Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, dự án BVMT làng nghề thuộc phạm vi quản lý; báo cáo tình hình thực hiện về UBND tỉnh (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường) trước ngày 15/11 hàng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu.

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, đề nghị các sở, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan và địa phương báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường) để chỉ đạo xử lý kịp thời.

Nơi nhận:

- Bộ TN&MT;
- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đài PTTH, Báo Sóc Trăng;
- Các sở, ngành liên quan;
- UBND các huyện, TX, thành phố;
- Lưu: HC, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Lê Thành Trí

Phụ lục
DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN THỰC HIỆN ĐỀ ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG LÀNG NGHỀ
ĐẾN NĂM 2020 VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030, TỈNH SÓC TRĂNG

(Kèm theo Kế hoạch số 61/KH-UBND ngày 04 tháng 9 năm 2013 của UBND tỉnh Sóc Trăng)

STT	Nội dung	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
1	Quy hoạch phát triển làng nghề trên địa bàn tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công Thương, UBND cấp huyện và các sở, ngành liên quan	2014	Ngân sách nhà nước
2	Đầu tư, lập kế hoạch theo dõi, giám sát công tác BVMT tại các làng nghề trên địa bàn tỉnh; công khai và cập nhật thông tin thường xuyên đối với các làng nghề ô nhiễm môi trường nghiêm trọng	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Công thương, UBND cấp huyện, các sở, ngành liên quan	2014 - 2020	Ngân sách nhà nước
3	Quy hoạch các khu, cụm công nghiệp phù hợp với định hướng phát triển của tỉnh và có đủ các hạng mục công trình về BVMT để di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng ra khỏi khu dân cư; lập kế hoạch đầu tư nâng cấp các hạng mục công trình BVMT đối với các khu, cụm công nghiệp chưa đảm bảo các điều kiện về BVMT theo quy định	Sở Công Thương	Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện, các sở, ngành liên quan	2014	Ngân sách nhà nước
4	Thành lập Tổ tự quản về BVMT; xây dựng Quy ước về BVMT làng nghề	UBND cấp huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công Thương, UBND cấp xã	2014 - 2015	Ngân sách nhà nước

STT	Nội dung	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
5	Lập và thực hiện kế hoạch di dời hoặc chuyển đổi ngành nghề sản xuất đối với các cơ sở thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 8 Thông tư số 46/2011/TT-BTNMT	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Công Thương, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	2014 - 2020	Ngân sách nhà nước
6	Xây dựng Chương trình đào tạo, tập huấn về xử lý chất thải và công tác BVMT làng nghề cho các đối tượng có liên quan và triển khai thực hiện	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	2014 - 2020	Ngân sách nhà nước
7	Xây dựng nội dung truyền thông BVMT làng nghề theo đối tượng và hình thức truyền thông	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	2014 - 2020	Ngân sách nhà nước